

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 45/2018/DS-PT

Ngày: 05 – 03 - 2018

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Đình Triết.

2. Bà Lê Thị Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trọng Vượng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2018/TLPT-DS ngày 04 tháng 01 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2017/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Ea Kar bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 25/2017/QĐ-PT ngày 19 tháng 01 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 37/2018/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Bá L - Sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn 6B, xã EP, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình M.

Địa chỉ: Thôn 14, xã EP, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của ông M: Bà Trần Thị N- Sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn 14, xã EP, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Bà Hoàng Thị T - Sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn 6B, xã EP, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

Bà Trần Thị N- Sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn 14, xã EP, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

4. *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị N - Sinh năm 1973..

5. *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ông Phan Bá L trình bày:

Ngày 18/01/2016 âm lịch, ông Phan Bá L với ông Nguyễn Đình M có thỏa thuận về việc mua bán bò, cụ thể ông M bán cho ông L 01 con bò cái với giá 47.000.000 đồng; theo nội dung giấy bán bò thì ông M cam kết sau 04 tháng thì bò sẽ đẻ, nếu bò không đẻ thì ông M trả lại tiền và ông M trả lại con bò đã mua. Nhưng đến hạn 04 tháng bò không đẻ nên vợ chồng ông L có đến nhà ông M, bà N nhiều lần và bà N cũng đến nhà vợ chồng ông L xem bò và nói có lẽ 01 tháng vài tháng sau sẽ đẻ. Do ông L, bà T mua bò nhằm mục đích sinh sản để phát triển kinh tế nhưng mấy tháng sau bò vẫn không đẻ. Ông L và bà T cũng đã yêu cầu ông M, bà N bắt bò, trả lại tiền cho vợ chồng ông L nhưng ông M, bà N không chịu bắt bò. Vì vậy, ông Phan Bá L làm đơn ra UBND xã giải quyết nhưng không hòa giải được.

Theo đơn khởi kiện đã nộp ghi ngày 17/01/2017, ông L tạm tính chi phí chăm sóc, lãi suất từ ngày 22/6/2016 đến ngày 22/01/2017 là 09 tháng. Ngày 24/7/2017, ông L làm đơn xin bổ sung đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M, bà N có nghĩa vụ hoàn trả cho ông L, bà T số tiền 47.000.000 đồng tương đương giá trị con bò ông L đã thanh toán, tiền công chăm sóc mỗi tháng 1.500.000 đồng x 13 tháng = 19.500.000 đồng; Tiền lãi suất của số tiền 47.000.000 đồng kể từ ngày 22/6/2016 lãi tạm tính đến ngày 22/7/2017 là 13 tháng với lãi suất 1%/tháng là 6.110.000 đồng. Tổng cộng ông L, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M bà N trả lại cho ông L, bà T số tiền 72.610.000 đồng.

* Bị đơn ông Nguyễn Đình M và người đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị N trình bày:

Vợ chồng tôi thừa nhận ngày 18/01/2016 âm lịch, chúng tôi có viết giấy bán cho ông L 01 con bò cái với giá 47.000.000 đồng, giấy mua bán do bà Trần Thị N viết. Ông L đã bắt bò và giao tiền kể từ ngày 18/01/2016 âm lịch. Theo giấy thỏa thuận mua bán thì chúng tôi cam kết sau 04 tháng bò sẽ đẻ vì con bò này vợ chồng tôi cũng mua lại của người khác. Quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng thì bò có đẻ hay có sảy thai hay không thì vợ chồng tôi không biết.

Sau khi ông L nói bò không đẻ thì vợ chồng tôi đã xuống nhà bàn bạc, trao đổi và có ý kiến là đổi cho ông L con bò khác hay mua lại với giá tại thời điểm đó nhưng ông L không đồng ý. Nay đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo

quy định của pháp luật.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T trình bày:

Việc ông M, bà N bán bò và cam kết bò sẽ đẻ nhưng thực tế bò không đẻ. Do ông M, bà N vi phạm cam kết nên nay đề nghị Tòa án xem xét hủy hợp đồng và buộc ông M, bà N trả lại cho vợ chồng tôi tổng số tiền là 72.610.000 đồng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N trình bày:

Tôi thừa nhận vào ngày 18/01/2016 âm lịch, vợ chồng tôi có bán cho ông L 01 con bò cái với giá 47.000.000 đồng, tôi là người trực tiếp viết giấy mua bán. Lúc mua bán có mặt ông L và vợ chồng tôi. Theo thỏa thuận thì vợ chồng tôi cam kết sau 4 tháng bò sẽ đẻ. Tuy nhiên, tôi cũng xác định bò có bị sảy thai hay không thì tôi không biết nên tôi không đồng ý với yêu cầu của ông L. Vợ chồng tôi làm nghề mua bán bò nên chúng tôi xác định là bò sẽ đẻ, cộng với việc tin tưởng người bán bò cho vợ chồng tôi nên chúng tôi xác định là bò sẽ đẻ. Nay ông L yêu cầu, thì vợ chồng tôi đồng ý bắt bò và thanh toán giá trị con bò theo giá hiện nay.

Tại bản án số 18/2017/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 điều 39; Điều 47; Điều 165; khoản 1 Điều 166; Điều 203; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 385, 423, 427, 428, 430 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 25, 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

-Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác một phần đơn khởi kiện của ông Phan Bá L đối với số tiền 18.488.500 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Bá L - Hủy hợp đồng mua bán bò giữa ông Phan Bá L với ông Nguyễn Đình M mà các bên đã xác lập ngày 18/01/2016 âm lịch.

- Buộc ông Nguyễn Đình M và bà Trần Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Bá L và bà Hoàng Thị T số tiền 54.121.500 đồng (*Năm mươi bốn triệu một trăm hai mươi mốt nghìn năm trăm đồng*). Trong đó: Tiền bán bò 47.000.000 đồng và tiền công chăm sóc bò trong thời gian 15 tháng 03 ngày là 7.121.500 đồng.

Buộc ông Phan Bá L và bà Hoàng Thị T có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Đình M và bà Trần Thị N 01 con bò cái sống, màu vàng, trọng lượng khoảng 400kg, khoảng 50 tháng tuổi như biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện EaKar.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, và quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/10/2017 bà Trần Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 18/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án.

Ngày 10/10/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar có quyết định kháng nghị với nội dung:

- TAND huyện Ea Kar nhận định việc bỏ không đẻ là có phần lỗi của người mua nên không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của số tiền 47.000.000đ mà ông L và bà T đã bỏ ra mua bò là không phù hợp, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông L và bà T.

- Việc giao dịch mua bán bò giữa ông L và ông M đã được thực hiện xong trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật nên việc TAND huyện Ea Kar áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ việc tranh chấp trên là không đúng với quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Án sơ thẩm tuyên không rõ: Trong Bản án tuyên “*Buộc ông L và bà T có nghĩa vụ trả lại cho ông M và bà N 01 con bò cái sống, màu vàng, trọng lượng khoảng 400kg, khoảng 50 tháng tuổi như biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/5/2017 của TAND huyện Ea Kar*” nhưng không tuyên rõ thời gian ông L và bà T có nghĩa vụ trả lại cho ông M và bà N 01 con bò cái sống ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật vì đối tượng thi hành án là con vật đang sống; việc tuyên không rõ gây khó khăn cho công tác thi hành án.

Do đó, đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Phan Bá L giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bà Trần Thị N là đại diện theo ủy quyền của bị đơn và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án HĐXX, thư ký Tòa án, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: TAND huyện Ea Kar không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của số tiền 47.000.000đ mà ông L và bà T đã bỏ ra mua bò là không phù hợp, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông L và bà T.

- TAND huyện Ea Kar áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ việc tranh chấp trên là không đúng.

- Án sơ thẩm tuyên không rõ gây khó khăn cho công tác thi hành án. Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLDS 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chấp nhận kháng nghị của VKSND huyện EaKar sửa bản án sơ

thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Xét nội dung kháng cáo của bà Trần Thị N và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar. Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Giao dịch mua bán bò giữa ông L và ông M đã được thực hiện xong trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật nên việc TAND huyện Ea Kar áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ việc tranh chấp trên là không đúng với quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 mà cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết. Cáp sơ thẩm tuyên hủy hợp đồng mua bán nhưng không áp dụng các điều luật trong phần quyết định của bản án là thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

- Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát yêu cầu tính lãi suất của số tiền 47.000.000đ mà ông L và bà T đã bỏ ra mua bò. HĐXX xét thấy đây là số tiền ông L bà T bỏ ra mua bò, giá bò tăng ông L bà T được hưởng còn giá giảm thì phải chịu nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu tính lãi suất.

- Viện kiểm sát kháng nghị cho rằng quyết định trong bản án đã tuyên buộc ông L và bà T có nghĩa vụ trả lại cho ông M và bà N 01 con bò cái sống nhưng không tuyên rõ thời gian và đối tượng thi hành án là con vật đang sống; việc tuyên không rõ gây khó khăn cho công tác thi hành án là có căn cứ do đó cần chấp nhận đề sửa bản án sơ thẩm như sau:

Về hợp đồng mua bán bò các bên đương sự thừa nhận ngày 18/01/2016 âm lịch, ông Phan Bá L với ông Nguyễn Đình M có thỏa thuận về việc mua bán bò, cụ thể ông M bán cho ông L 01 con bò cái với giá 47.000.000 đồng; ông M cam kết sau 04 tháng thì bò sẽ đẻ, nếu bò không đẻ thì ông M trả lại tiền và ông L trả lại con bò. Nhưng sau đó con bò không đẻ nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên bố hủy bỏ hợp đồng là có căn cứ.

Theo quy định tại Điều 425 của Bộ luật dân sự 2005 hậu quả của việc tuyên hủy bỏ hợp đồng là các bên trả lại cho nhau những gì đã nhận nhưng vì đối tượng mua bán là con vật còn đang sống nên thay vì buộc ông L trả lại bò cho ông M thì tiếp tục giao con bò cho ông L chăm sóc, nuôi dưỡng, ông L có trách nhiệm trả cho ông M số tiền tương đương với giá trị con bò theo giá thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Số tiền mua bò ông L đã thanh toán cho ông M khi các bên xác lập hợp đồng mua bán là 47.000.000đồng. Khi thực hiện giao dịch mua bán các bên xác định đối tượng mua bán là con bò cái đang có thai giá trị 47.000.000đồng nhưng theo định giá của hội đồng định giá hiện tại con bò cái (không có thai) chỉ có giá trị 32.000.000đồng. HĐXX xét thấy, Lỗi dẫn đến hủy hợp đồng là do ông M, bà N vi phạm cam kết trong hợp đồng nên số tiền 15.000.000đồng chênh lệch ông M, bà N phải có trách nhiệm bồi thường

cho ông L. Do đó, cần tiếp tục giao con bò cho gia đình ông L chăm sóc nuôi dưỡng, buộc ông M bà N phải bồi thường cho ông L số tiền là 15.000.000đồng.

Từ nhận định trên HĐXX xét thấy cần chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị N và một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar - sửa bản án sơ thẩm số 18/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Toà án nhân dân huyện Ea Kar.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên cần tính toán phần án phí sơ thẩm cho đúng theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do đơn kháng cáo được chấp nhận nên bà Trần Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[1] Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị N và một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar - Sửa bản án sơ thẩm số 18/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Toà án nhân dân huyện Ea Kar.

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147; 227; 235; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 425, 428; 431; 432; 438 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng các điều 25, 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác một phần đơn khởi kiện của ông Phan Bá L đối với số tiền 25.610.000 đồng tiền công chăm sóc bò và tiền lãi suất.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Bá L - Hủy hợp đồng mua bán bò giữa ông Phan Bá L với ông Nguyễn Đình M mà các bên đã xác lập ngày 18/01/2016 âm lịch.

Tiếp tục giao 01 con bò cái sống, màu vàng, trọng lượng khoảng 400kg, khoảng 50 tháng tuổi cho ông Phan Bá L, bà Hoàng Thị T. Buộc ông Nguyễn Đình M và bà Trần Thị N phải bồi thường cho ông L, bà T số tiền 15.000.000đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án.

[2]. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phan Bá L, bà Hoàng Thị T phải chịu 1.280.500đ (*Một triệu hai trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền ông Phan Bá L đã nộp tạm ứng án phí là 1.868.250 đồng theo biên lai số AA/2014/0036742 ngày 17/01/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk. Ông L được nhận lại số tiền 587.750đồng.

- Ông Nguyễn Đình M, bà Trần Thị N phải chịu 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai T số 0003067 ngày 17/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

[4]. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện EK;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Văn Công Dân